TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1343/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 411/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1998.
Địa chỉ: D, tổ B, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Đại H1, sinh năm 1994.
Địa chỉ: 1, tổ F, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông H1 vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H1 tìm hiểu, chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149/2018 ngày 12/6/2018. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân là do quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nhật L, sinh ngày 02/01/2019 và Phan Nhật M, sinh ngày 02/5/2020. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Phan Đại H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H1.***

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà H, ông H1 không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Nhật L, sinh ngày 02/01/2019 và Phan Nhật M, sinh ngày 02/5/2020 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông H1 nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Lê Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với ông Phan Đại H1, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, con chung"; bà Lê Thị Kim H là nguyên đơn, ông Phan Đại H1 là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H1 hiện đang cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim H và ông Phan Đại H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149/2018 ngày 12/6/2018 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông H1.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông H1 đến Tòa làm việc nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông H1 không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Kết quả xác minh tại Công an phường P, thành phố B thể hiện nội dung: Ông Phan Đại H1 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa phương. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B thể hiện địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông H1.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông H1 là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1 để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nhật L, sinh ngày 02/01/2019 và Phan Nhật M, sinh ngày 02/5/2020. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các con chung hiện đang nhỏ, đang sống ổn định cùng bà H nên rất cần sự quan tâm của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 không đến Tóa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình về vấn đề con chung. Do đó cần giao 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tạm thời, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông H1 nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy H1 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H. Bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Phan Đại H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Nhật L, sinh ngày 02/01/2019 và Phan Nhật M, sinh ngày 02/5/2020 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003799 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà H, ông H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- THADS TP. Biên Hoà;
- VKSND TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành Thị Thu T1